

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 41/2019/HS-ST
Ngày 21-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Xuân Hiền**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Hà Thị Thúy** và bà **Nguyễn Thị Tiến**.

Thư ký Tòa án: Bà **Nguyễn Thị Thắm** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Minh Đức** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 257/2018/TLST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 263/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/HSST-QĐ ngày 02/01/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/HSST-QĐ ngày 01/02/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 12A/2019/HSST-QĐ ngày 28/02/2019 đối với bị cáo:

Trần Thế L, sinh năm 1995 tại Hải Dương. Nơi cư trú: thôn AX, xã QT, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (*học vấn*): lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thế Th (*đã chết*) và bà Nguyễn Thị T; bị cáo chưa có vợ con, gia đình có 2 anh em bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; tiền án: Không; tiền sự: ngày 01/3/2017 bị công an huyện Nam Sách xử phạt vi phạm hành chính bằng hành thức phạt tiền về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy (*nộp phạt ngày 01/3/2017*); bị tạm giữ từ ngày 21/3/2018 đến ngày 30/3/2018 chuyển tạm giam tại trại tạm giam Kim Chi-Công an Hải Dương đến nay (*bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- Người tham gia tố tụng khác:

* Người bị hại: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số nhà 23 VVD, phường QT, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (*có mặt*).

* Người làm chứng:

+ Chị Lê Thị Minh Y, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số 13/3 NT 2, phường SD, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương (*vắng mặt*).

+ Anh Dương Như T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Xóm TL, xã TĐ, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 251/VKS-HS ngày 14/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Trần Thế L về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 174 và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự với căn cứ:

Khoảng 08 giờ ngày 03/01/2018, Trần Thế L trong khi đang ngồi chơi tại quán Internet ở xã Thanh Quang, huyện Nam Sách thì đối tượng Nguyễn Bá M, sinh năm 1994 ở thôn AX, xã QT, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương đến rủ L đi chơi. L đã sử dụng xe máy nhãn hiệu Nouvo không rõ biển số của một người bạn tên T để chở M đi. Khi đi đến khu đô thị Thanh Quang thì M đặt vấn đề với L đóng giả cán bộ công an để vay hộ M số tiền 50 triệu đồng và L đã đồng ý và khi đến ngã ba Nam Sách – M đã nói với L nội dung sẽ làm giả giấy chứng minh công an nhân dân cho X để đặt làm tin để vay tiền. Thực hiện ý định M và L đã đến cửa hiệu chụp ảnh của Lê Thị Minh Y tại số 8 đại lộ Hồ Chí Minh, thành phố Hải Dương để chụp ảnh chân dung cho L và đề nghị có ghép trang phục ngành công an. Y đồng ý và bảo Dương Như T là người làm thuê cho Y tiến hành chụp và ghép ảnh cho L. Sau khi ghép ảnh xong, M đưa cho Y 01 giấy chứng minh Công an nhân dân giả và thuê Y làm một giấy chứng minh công an nhân dân giả khác có ảnh L mặc trang phục công an mà T vừa ghép xong, đồng thời ghi thông tin trên giấy chứng minh công an nhân dân giả theo nội dung M cung cấp, Y đồng ý và tiếp tục bảo T làm. T scan mẫu giấy chứng minh công an nhân dân giả do M đưa có sẵn nội dung chữ ký của Giám đốc Công an tỉnh Hải Dương - Đại tá Bùi Ngọc Phi và hình dấu màu đỏ, sau đó sử dụng máy vi tính chỉnh sửa, nhập thông tin vào giấy chứng minh Công an nhân dân giả ghi số hiệu 191 -364, mang tên Nguyễn Hoàng X, sinh ngày 18/03/1993; Cấp bậc: Cấp úy; Chức vụ: Sĩ quan nghiệp vụ; Đơn vị: Phòng PC67 - Hải Dương, ghép ảnh chân dung của L, đề ngày 08/4/2014. Sau khi làm xong T đưa cho Y ép Plastic, rồi đưa thẻ cho M, M đã trả cho Y số tiền công là 30.000 đồng. Sau khi có được giấy chứng minh Công an nhân dân giả, theo sự chỉ dẫn của M, L dùng điện thoại của M liên hệ với chị Nguyễn Thị H ở 23 VVD, phường QT, thành phố Hải Dương hỏi vay tiền và chị H đồng ý. M và L đến phòng 309 nhà nghỉ S ở số 1 HC, phường HT, thành phố Hải Dương; tại đây M ở bên dưới còn L vào gặp chị H và sử dụng giấy chứng minh công an nhân dân giả mang tên Nguyễn Hoàng X để chị H tin tưởng cho L vay số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi vay được tiền L đã trực tiếp viết giấy biên nhận vay số tiền 50.000.000 đồng của chị H và ký tên Nguyễn Hoàng X, do L không trả tiền nên chị H đã trình báo cơ quan công an và giao nộp giấy chứng minh công an nhân dân giả mang tên Nguyễn Hoàng X. Ngày 21/3/2018 L đã đến Cơ quan công an đầu thú, cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hải Dương đã khởi tố L về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đối với hành vi làm giả tài liệu của Lê Thị Minh Y và Dương Như T được Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đưa ra xét xử tại bản án số 145/2018/HS-ST, ngày 07-8-2018. Riêng đối tượng Nguyễn Bá M đã bỏ trốn đến nay chưa bắt được.

Tại kết luận giám định số 12/KLGD ngày 06/4/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương kết luận: 01 giấy chứng minh Công an nhân

dân, số 191-364, mang tên Nguyễn Hoàng X, sinh ngày 18/03/1993; đơn vị: Phòng PC67 - Hải Dương, đề ngày 08/4/2014 (ký hiệu A2) là giấy tờ giả. Giả toàn bộ phần phôi, hình dấu, chữ ký.

Tại kết luận giám định số 21/KLGD ngày 15/5/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chữ viết, chữ ký mang tên Nguyễn Hoàng X trên Giấy biên nhận vay tiền (ký hiệu A) với chữ viết, chữ ký mang tên Trần Thế L trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1→M4) là do cùng một người viết, ký ra.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đã quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, truy tố thêm tội danh đối với Trần Thế L; đồng thời làm rõ số tiền Trần Thế L nhận của người bị hại cũng như xem xét trách nhiệm của đối tượng Nguyễn Bá M và đối tượng Vũ Thành L.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thế L xác định bản thân nhận thức được giấy chứng minh công an nhân dân là tài liệu có thật, do cơ quan Công an có thẩm quyền phát hành để cấp cho cá nhân làm việc trong lực lượng công an sử dụng khi thực thi nhiệm vụ. Nếu không phải do cơ quan Công an có thẩm quyền phát hành thì đều là giả và không có giá trị sử dụng. Tuy nhiên, sau khi đối tượng M đặt vấn đề nhờ giả làm công an để vay hộ M tiền, sau đó M đưa L đến hiệu ảnh của Y để chụp ảnh của L có ghép trang phục cảnh sát để làm giấy chứng minh công an nhân dân giả là hành vi làm giả tài liệu của cơ quan nhà nước. Sau khi có giấy chứng minh công an nhân dân giả, L đã sử dụng giấy chứng minh công an nhân dân giả đặt làm tin, thực hiện hành vi vay số tiền 50 của chị H sau đó không trả là hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo nhất trí với các kết luận định giám định; đồng thời thể hiện thái độ ăn năn hối cải; xác định Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương đã truy tố bị cáo về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 341 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa trình bày quan điểm vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thế L phạm các tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 341; điểm c Khoản 2 Điều 174; điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; điểm a Khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thế L từ 24 đến 27 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và từ 24 đến 27 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc Trần Thế L phải chấp hành hình phạt của hai tội từ 48 đến 54 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (đầu thú) ngày 21/3/2018.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Khoản 1 Điều 584, Khoản 1 Điều 585, Khoản 1 Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự: Buộc bị cáo Trần Thế L phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H số tiền 50 triệu đồng.

Về biện pháp tư pháp: Không đặt ra giải quyết vì đã được Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giải quyết tại bản án hình sự số 145/2018/HS-ST, ngày 07-8-2018.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trần Thế L phải chịu án phí sơ thẩm hình sự và án phí dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ xác định bị cáo Trần Thế L có tội và áp dụng pháp luật:

Đối với hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức của Trần Thế L: Khi gặp nhau ở Thanh Quang, Nam Sách, đối tượng Nguyễn Bá M nhờ L giả làm công an để đi vay tiền hộ M, khi đi trên đường đến ngã ba Nam Sách, M đã nói với L sẽ đi làm giả giấy chứng minh công an nhân dân cho L để đặt làm tin khi vay tiền. Sau đó, M đã đưa L đi cắt tóc để thể hiện L là người đứng đắn khi đóng giả là công an. Quá trình gặp gỡ đối tượng Y và T để làm giấy chứng minh công an nhân dân giả, mặc dù M là người trực tiếp cung cấp phôi mẫu, cung cấp thông tin và là người giao dịch trực tiếp với Y – T nhưng L đều biết và làm theo đề nghị của M thể hiện qua hành vi L đã đồng ý để T chụp ảnh sau đó ghép trang phục cảnh sát vào ảnh của mình. Do vậy, nội dung L biết, thống nhất tiếp nhận ý chí của đối tượng M ngay từ đầu trong việc làm giả giấy chứng minh công an nhân dân, biết việc T ghép trang phục cảnh sát vào ảnh của mình và đồng ý để T ghép trang phục cảnh sát vào ảnh để làm giả giấy chứng minh công an nhân dân trong khi L không phải là cảnh sát. Hành vi nêu trên của Trần Thế L là hành vi đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức” theo quy định tại điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Trần Thế L thấy rằng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Thế L xác định mặc dù viết giấy biên nhận vay tiền của chị Nguyễn Thị H thể hiện số tiền vay là 50 triệu đồng nhưng trên thực tế bị cáo mới chỉ thực nhận số tiền 43 triệu, số tiền 07 triệu bị cáo cho rằng đây là số tiền chị H tính lãi vay và thu luôn từ số tiền gốc. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa chị H không thừa nhận nội dung này, mặt khác bị cáo không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho quan điểm của mình nên không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của bị cáo mà xác định số tiền bị cáo đã nhận từ chị H theo giấy biên nhận vay tiền là 50 triệu đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với vật chứng thu giữ, phù hợp với biên bản nhận dạng, kết luận giám định, giấy biên nhận vay tiền. Các chứng cứ nêu trên phù hợp với các chứng cứ khác như: Bản tự khai của bị cáo, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo, biên bản lấy lời khai người bị hại, biên bản lấy lời khai người làm chứng đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Từ những chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; đã giúp sức cho đối tượng Nguyễn Bá M thực hiện hành vi làm ra giấy chứng minh công an nhân dân giả có dán ảnh của mình ghép trang phục cảnh sát giống với giấy chứng minh công an nhân dân thật do Công an tỉnh Hải Dương phát hành, đã trực tiếp xâm phạm sự hoạt động bình thường của Công an tỉnh Hải Dương trong việc quản lý hành chính Nhà nước cũng như quản lý sử dụng hợp pháp về giấy chứng minh công an nhân dân. Đồng thời sau khi có giấy chứng minh công an nhân dân giả, Trần Thế L đã tiếp tục thực hiện hành vi sử dụng giấy chứng minh công an nhân dân giả thực hiện hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là hành vi phạm tội nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của chị Nguyễn Thị H. Với các hành vi nêu trên bị cáo Trần Thế L bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố về tội danh “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 341 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Sau khi tội phạm bị phát hiện, bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Xét thấy bị cáo là người có nhân thân xấu, thực hiện nhiều hành vi cấu thành tội phạm độc lập. Do vậy, cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn đối với từng tội danh và tổng hợp hình phạt để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có thu nhập ổn định và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trần Thế L cho rằng chỉ được đối tượng Nguyễn Bá M cho số tiền 400 nghìn đồng. Tuy nhiên, Trần Thế L là người trực tiếp nhận số tiền 50 triệu đồng và viết giấy biên nhận vay tiền với chị Nguyễn Thị H. Tại phiên tòa, chị H yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị số tiền 50 triệu đồng đã chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản nào

khác. Do vậy, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại toàn bộ số tiền 50 triệu đồng này.

Về biện pháp tư pháp:

Đối với giấy chứng minh công an nhân dân giả mang tên Nguyễn Hoàng X đã được giải quyết tại bản án hình sự sơ thẩm số 145/2018/HS-ST, ngày 07-8-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Đối với chiếc xe máy Nouvo sau khi L sử dụng vào việc phạm tội đã trả cho bạn. Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không có căn cứ xử lý.

Đối với chiếc điện thoại của đối tượng M, L dùng để liên hệ vay tiền của chị H. Cơ quan điều tra không thu giữ được nên cũng không có căn cứ xử lý.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về các vấn đề khác:

Đối với hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức của Lê Thị Minh Y và Dương Như T đã được xét xử tại bản án hình sự sơ thẩm số 145/2018/HS-ST, ngày 07-8-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Đối tượng Nguyễn Bá M hiện đang bỏ trốn, cơ quan cảnh sát điều tra xác định chưa đủ căn cứ chứng minh hành vi phạm tội của M nên tiếp tục xác minh khi nào bắt được sẽ xử lý sau là phù hợp.

Đối với hành vi của Vũ Thành L là người giới thiệu Nguyễn Bá M và Trần Thế L đến vay tiền của chị H, cơ quan điều tra xác định chưa đủ căn cứ chứng minh hành vi phạm tội của Vũ Thành L nên tiếp tục xác minh là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm d Khoản 2 Điều 341; điểm c Khoản 2 Điều 174; điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; điểm a Khoản 1 Điều 55; Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 584, Khoản 1 Điều 585, Khoản 1 Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thế L phạm các tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Thế L 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 27 (hai mươi bảy) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc Trần Thế L phải chấp hành hình phạt của hai tội là 51 (năm mươi mốt) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (đầu thú), ngày 21/3/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Thế L phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số nhà 23 VVD, phường QT, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương toàn bộ số tiền 50 triệu đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền bồi thường nêu trên. Nếu bị cáo chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ Luật dân sự.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Thế L phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hình sự và phải chịu 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Thế L và người bị hại chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP Hải Dương;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT công an TP Hải Dương;
- Cơ quan THAHS công an TP Hải Dương
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Hiền